

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
GAS ĐÔ THỊ**

Tầng 4, số 167 Trung Kính, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: 04.37346848 Fax: 04.37346838

<http://pvgascity.com.vn>



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
2016**

Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2017
Số 03/BC-KĐT

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát.

- Tên tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GAS ĐÔ THỊ**
- Tên Tiếng Anh: **PETROVIETNAM GAS CITY INVESTMENT AND DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY**
- Tên viết tắt: **PVGAS CITY**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0102349865
- Vốn điều lệ: 188.700.000.000 VND (Một trăm tám tám tỷ bảy trăm triệu đồng)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2016: 208.332.693.612 VND (Hai trăm linh tám tỷ ba trăm ba hai triệu sáu trăm chín ba nghìn sáu trăm mười hai đồng)
- Trụ sở chính: Tầng 4 - Số 167 Trung Kính - Phường Yên Hòa - Cầu Giấy - Hà Nội.
- Điện thoại: 04. 37346848; Fax: 04.37346838
- Website: <http://pvgascity.com.vn>
- Email: info@pvgascity.com.vn
- Mã cổ phiếu: PCC
- Logo công ty:



2. Quá trình hình thành và phát triển

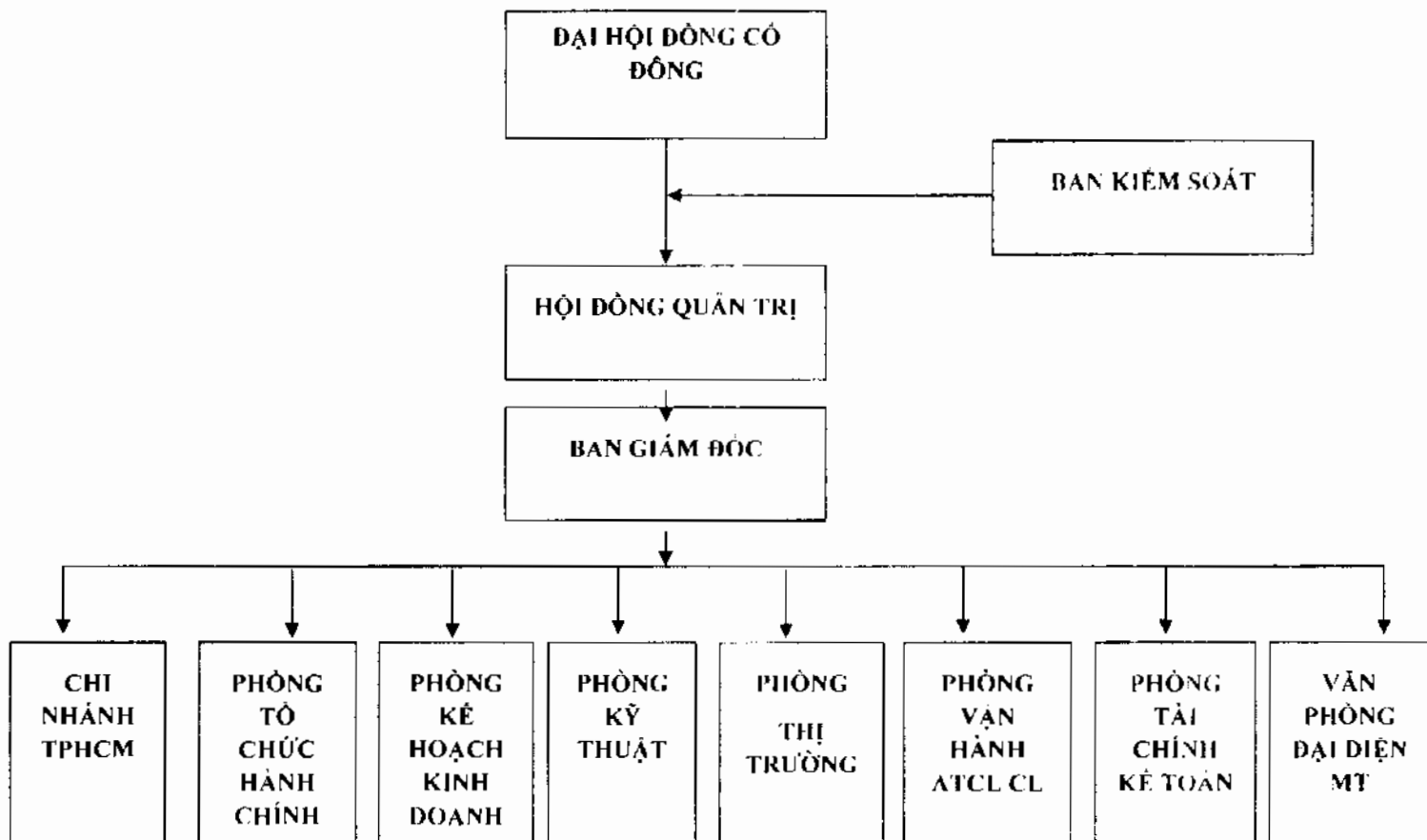
- Thành lập theo nghị quyết số 1877/NQ-DKVN ngày 06/7/2007 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Công ty cổ phần đầu tư phát triển Gas Đô thị là Công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0102349865 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp lần đầu ngày 10/08/2007, sửa đổi lần thứ 14 ngày 29 tháng 6 năm 2016.
- Thời điểm niêm yết: 29/12/2010

3. Ngành nghề và dự bàn kinh doanh:

- Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của công ty là kinh doanh các sản phẩm gas. Các hoạt động liên quan đến xây lắp và cung cấp dịch vụ khác cũng là để phục vụ cho việc kinh doanh các sản phẩm gas. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trong báo cáo tài ch.nh 2016 đều liên quan đến hoạt động kinh doanh sản phẩm gas, xây lắp và cung cấp dịch vụ có liên quan.
- Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, công ty không có bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý nào ngoài lãnh thổ Việt Nam.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý/

4.1. Mô hình quản trị/



Công ty cổ phần đầu tư phát triển Gas Đô thị được tổ chức và điều hành theo mô hình Công ty cổ phần trên cơ sở tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp Việt Nam và các quy định khác của pháp luật.

4.2. Cơ cấu bộ máy quản lý.

- Ban điều hành: 05 người
 - o Ông Văn Tuấn Anh – Giám đốc
 - o Ông Bùi Xuân Năng - Phó Giám đốc
 - o Ông Phạm Văn Tuyền - Phó Giám đốc
 - o Ông Chen zhibin – Phó Giám đốc
 - o Ông Nguyễn Nhật Dương - Phó Giám đốc
- Các phòng chức năng, chi nhánh, VPĐD:
 - o Phòng Tổ chức hành chính;
 - o Phòng Kỹ thuật;
 - o Phòng Tài chính kế toán;
 - o Phòng Kế hoạch kinh doanh;
 - o Phòng vận hành an toàn chất lượng;
 - o Phòng thị trường;
 - o Chi nhánh TPHCM;
 - o Văn phòng đại diện Miền Trung.

4.3. Các công ty con, công ty liên kết: Không có

5. Định hướng phát triển

5.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- Đẩy mạnh công tác đầu tư, thi công xây lắp trạm cung cấp gas trung tâm cho các khu đô thị, khu chung cư, khu công nghiệp...;
- Củng cố hệ thống khách hàng hiện thời và tích cực tìm kiếm các khách hàng công nghiệp/khu công nghiệp (cung cấp qua hệ thống đường ống) mới để nâng cao sản lượng, doanh thu cho Công ty;
- Xây dựng các trạm nạp CNG/LPG cho các phương tiện giao thông vận tải;
- Nghiên cứu quy hoạch citygas cho các Thành phố hoặc và các khu đô thị lớn của Hà Nội, Tp.Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Hải Phòng;
- Nghiên cứu đa dạng hóa nguồn khí cung cấp bằng đường ống cho các Thành phố và khu đô thị.

5.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Đầu tư xây dựng hạ tầng cung cấp khí đốt trung tâm cho các khu đô thị lớn, đặc biệt là khí đốt thiên nhiên;
- Nghiên cứu, áp dụng các tiến bộ khoa học công nghệ vào quản lý vận hành các công trình khí;
- Phát triển nhiên liệu sạch thân thiện với môi trường theo đúng định hướng phát triển của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và Tổng công ty Khí Việt Nam nhằm nâng cao thương hiệu và uy tín của PetroVietnam;
- Tập trung lĩnh vực hoạt động sở trường là xây lắp, nhận thầu thi công hệ thống gas trung tâm cho các khu đô thị, công nghiệp tối ưu hóa chi phí nhằm tăng doanh thu và lợi nhuận từ hoạt động này;
- Sắp xếp, cơ cấu lại các đơn vị chức năng, nhằm đảm bảo bộ máy tinh gọn, đạt hiệu quả cao trong công việc;
- Chuẩn bị đội ngũ cán bộ kế cận thông qua điều động, luân chuyển cán bộ tại các phòng ban và tại các công trình qua đó đánh giá được những phẩm chất tốt của CBNV cần phát huy, làm cơ sở bồi dưỡng cán bộ kế cận cho Công ty sau này.

5.3. Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty:

- Lập quy hoạch và từng bước triển khai đầu tư hạ tầng cung cấp khí đốt cho các Thành phố và các khu đô thị lớn sử dụng khí đốt thiên nhiên thân thiện môi trường và giá thành thấp;
- Nghiên cứu và phát triển các nguồn nhiên liệu sạch thân thiện với môi trường theo đúng định hướng phát triển của Tập đoàn Dầu khí và Tổng công ty Khí Việt Nam .

6. Các rủi ro: (Nếu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của Công ty, trong đó có rủi ro về môi trường).

- Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do nguồn khí được mua bán theo giá thị trường từ nhiều năm qua.
- Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng

phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

- Có thể Gây cháy, nổ, hư hại các hệ thống cấp Gas khi có động đất xảy ra.
- Cháy nổ các chung cư cao tầng có hệ thống cấp gas: nổ, hư hỏng hệ thống cấp gas.
- Rủi ro môi trường: mưa lớn gây úng ngập cục bộ trạm citygas.
- Hệ thống chính sách, pháp luật của của Nhà nước trong lĩnh vực hệ thống Gas trung tâm còn chưa đồng nhất, gây khó khăn cho Công ty trong hoạt động kinh doanh, đầu tư xây lắp hệ thống gas trung tâm.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016

STT	CHỈ TIÊU	DVT	TII 2015	KII 2016	TH 2016	TH2016/ KH2016	TH2016/ TH2015
(A)	(B)	(C)	(1)	(2)	(3)	(3)/(2)	(3)/(1)
I	Chỉ tiêu sản lượng						
1	LPG	10 ³ tấn	50.610	47.288	45.595	96%	90%
-	LPG Công nghiệp		50.045	46.573	45.005	97%	90%
-	LPG Citygas		565	715	590	82%	104%
2	Xây lắp (ký mới)	Căn hộ	1.283	2.595	-	0%	0%
II	Chỉ tiêu tài chính	Tỷ đồng					
1	Doanh thu		662,999	666,256	484,057	73%	73%
1.1	LPG		636,468	636,836	476,383	75%	75%
-	LPG Công nghiệp		623,500	621,582	463,628	75%	74%
-	LPG Citygas		12,968	15,254	12,755	84%	98%
1.2	Xây lắp		23,283	29,421	7,374	25%	32%
1.3	Khác		3,25	-	0,300		9%
2	Giá vốn		636,805	639,328	463,674	73%	73%
3	Chi phí bán hàng và quản lý DN		29,958	30,076	33,248	111%	111%
4	Lợi nhuận tài chính		8,838	3,258	8,974	275%	102%
5	Lợi nhuận khác		2,080	0	4,122		198%
6	Lợi nhuận trước thuế		7,154	0,109	0,231	211%	3%
7	Lợi nhuận sau thuế		5,580	0,085	0,158	185%	3%

- *Đánh giá chung:* Công ty gặp rất nhiều khó khăn trong năm 2016 do giá CP thấp, nhà cung cấp LPG thay đổi điều khoản thanh toán, thị trường bất động sản hồi phục chậm, các chủ đầu tư hầu hết không sử dụng hệ thống gas trung tâm,... dẫn đến sản lượng và doanh thu không đạt kế hoạch.
- *Chỉ tiêu sản lượng:*
 - o Sản lượng LPG công nghiệp đạt 45.005 tấn, bằng 97% kế hoạch chủ yếu do quý IV có một số khách hàng hết hợp đồng. Ký mới được 02 khách hàng.
 - o Sản lượng LPG citygas đạt 590 tấn, bằng 82% kế hoạch do trạm CT7 Dương Nội chưa đưa vào khai thác theo KH được (vì CĐT bàn giao cho BQT tòa nhà chậm hơn 6 tháng so với dự kiến, các thủ tục với ban quản trị tòa nhà chưa xong), người dân ngày càng có

xu hướng sử dụng năng lượng điện. Hiện công ty đang vận hành 43 trạm trên cả nước (tăng thêm 01 trạm so với năm 2015) với tổng số trên 5000 căn hộ.

- o Sản lượng xây lắp: không ký mới được hợp đồng căn hộ do thị trường bất động sản vẫn đang phục hồi chậm, các chủ đầu tư giãn tiến độ hoặc ngừng thi công hệ thống gas trung tâm. Tuy nhiên, trong năm 2016 công ty ký mới được 03 dự án làm gas trung tâm cho bếp ăn với giá trị hơn 3 tỷ đồng.

- *Chỉ tiêu tài chính*

- o Tổng doanh thu đạt 484,057 tỷ đồng, trong đó:
 - Doanh thu LPG công nghiệp đạt 463,628 tỷ đồng, bằng 75% kế hoạch nguyên nhân chủ yếu do giá CP bình quân cả năm 2016 bằng 338\$/tấn thấp hơn kế hoạch (450 \$/tấn);
 - Doanh thu LPG citygas đạt 12,755 tỷ đồng, bằng 84% kế hoạch do sản lượng còn thấp;
 - Doanh thu xây lắp đạt 7,374 tỷ đồng (từ các dự án cũ từ năm trước chuyển sang), bằng 25% kế hoạch do dự án Usilk và các dự án ký mới trong năm 2016 chưa quyết toán xong.
- o Chi phí quản lý và bán hàng là 33,248 tỷ đồng, tăng 11% so với kế hoạch, nguyên nhân chủ yếu là do công ty đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi tăng so với kế hoạch do đã quá hạn thanh toán mà CĐT các dự án vẫn chưa thanh toán. Các khoản mục như chi phí xe ô tô, công tác phí, quảng cáo hội nghị, ... đều giảm so với kế hoạch.
- o Lợi nhuận tài chính đạt 8,974 tỷ đồng, bằng 275% kế hoạch.
- o Lợi nhuận khác đạt 4,122 tỷ đồng chủ yếu từ hoàn nhập bảo hành công trình các dự án xây lắp.
- o Lợi nhuận trước thuế đạt 0.231 tỷ đồng, bằng 211% kế hoạch.
- o Lợi nhuận sau thuế đạt 0,158 tỷ đồng, bằng 185% kế hoạch

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Ban điều hành

2.1.1. Ông Văn Tuấn Anh - Giám đốc

- o Ngày sinh: 24/03/1968
- o Quốc tịch: Việt Nam
- o Dân tộc: Kinh
- o Quê quán: Thủ Dầu Một - Bình Dương
- o Địa chỉ thường trú: 8A/30 Tây Hồ, Quảng An, Hà Nội
- o Số CMND: 001068000130 cấp ngày 21/01/2013 tại cục CS QLHC về TTXH
- o Trình độ văn hoá: 12/12
- o Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- o Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
04/1990 -> 08/1994	XN dịch bán lẻ xăng dầu - Láng Hạ - Thành Công, Hà Nội	Cán bộ
09/1994 -> 03/1996	Công ty Dầu nhờn Petrolimex - Số 1 Khâm Thiên, Hà Nội	Cán bộ
04/1996 -> 03/1999	Công ty chế biến và kinh doanh các sản phẩm khí chi nhánh tại Hà Nội	Cán bộ
04/1999 -> 10/2006	Công ty chế biến và kinh doanh các sản phẩm khí Vũng Tàu	Chuyên viên
11/2006 -> 8/2007	Công ty chế biến và kinh doanh các sản phẩm khí chi nhánh tại Hà Nội	Phó chi nhánh
7/2007 -> 5/2012	Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Gas đô thị	Giám đốc, Ủy viên HĐQT
5/2012-> 7/2016	Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Gas đô thị	Chủ tịch HĐQT
7/2016-> nay	Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Gas đô thị	Giám đốc, Chủ tịch HĐQT

- o Số cổ phần sở hữu cá nhân: 9.000

2.1.2. Ông Bùi Xuân Năng – Phó Giám đốc

- o Giới tính: Nam
- o Ngày sinh: 15/11/1974
- o Nơi sinh: Hà Tây
- o Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh
- o Quê quán: Thường Tín - Hà Tây
- o Địa chỉ thường trú: 281/17 Tam Trinh, Hoàng Mai, Hà Nội
- o Số CMND: 011772605 do Công an Hà Nội cấp ngày 03/07/2008
- o Trình độ văn hoá: 12/12
- o Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Lọc hoá dầu
- o Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
08/1996 - 11/2001	Công ty chế biến và kinh doanh các sản phẩm khí	Chuyên viên
12/2001 - 05/2006	Ban Chế biến, Tập đoàn Dầu khí QG Việt nam	Chuyên viên
06/2006 - 01/2008	Ban Chế biến, Tập đoàn Dầu khí QG Việt nam	Phó phòng Dự án
02/2008 - Nay	Công ty cổ phần đầu tư Phát triển Gas Đô thị	Phó Giám đốc

- o Số cổ phần sở hữu cá nhân: Không

2.1.3. Ông Phạm Văn Tuynh Phó Giám đốc

- o Giới tính: Nam
- o Ngày sinh: 01/01/1976
- o Nơi sinh: Hưng Yên Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh

- Quê quán: Tiên Lữ, Hưng Yên
- Địa chỉ thường trú: Số 15, ngõ Hoà Bình 4, Minh Khai, Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Số CMND: 012939589 do Công an Hà Nội cấp ngày 15/03/2007
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư máy xây dựng và xếp dỡ
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
05/2003 - 12/2005	Công ty TNHH Thương mại Trần Hồng Quân	Cán bộ Kỹ thuật
01/2006 - 12/2006	Công ty TNHH Thương mại Trần Hồng Quân	Phó giám đốc
09/2007 - 01/2008	Công ty cổ phần đầu tư phát triển Gas Đô thị	Chuyên viên
02/2008 - 09/2008	Công ty cổ phần đầu tư phát triển Gas Đô thị	Trưởng phòng KT
10/2008 - Nay	Công ty cổ phần đầu tư phát triển Gas Đô thị	Phó Giám đốc

- Số cổ phần sở hữu cá nhân: Không

2.1.4. Ông Chen Zhibin – Phó Giám đốc

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 10/4/1975
- Nơi sinh: Trung Quốc Quốc tịch: Trung Quốc Dân tộc: Hán
- Quê quán: Shanxi, Trung Quốc
- Địa chỉ thường trú: Trung Quốc
- Số hộ chiếu: G48547070 do Công an Hà Nội cấp ngày
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
7/2000-1/2002	Phòng chất lượng và Công nghệ ENN	Nhân viên kỹ thuật
1/2002-5/2003	Công ty TNHH Gas ENN Bengbu	Đội trưởng
5/2003-9/2004	Công ty TNHH Gas ENN Dongguan	Trưởng phòng
9/2004-11/2006	Phòng Quản lý Tài sản GAS công ty ENN	Kỹ sư quản lý
11/2006-1/2008	Phòng Quản lý Tài sản GAS công ty ENN	Phó phòng
1/2009-11/2010	Phòng Quản lý Tài sản GAS công ty ENN	Phó phòng
11/2010-1/2017	Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Gas Đô thị	Kỹ sư trưởng
1/2017 đến nay	Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Gas Đô thị	Phó giám đốc

- Số cổ phần sở hữu cá nhân: 0

2.1.5. Ông Nguyễn Nhật Dương – Phó Giám đốc.

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 03/12/1980

- o Nơi sinh: Hà Nội Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh
- o Quê quán: Hưng Yên
- o Địa chỉ thường trú: Số 45 ngõ 268 Đê La Thành, Thổ Quan, Đống Đa, Hà Nội
- o Số CMND: 001080001531 do Cục trưởng cục Cảnh sát DKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 13/5/2014
- o Trình độ văn hoá: 12/12
- o Trình độ chuyên môn: Đại học
- o Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1/2003-6/2008	Công ty TNHH Bách Việt	Nhân viên
6/2008 - 8/2011	Công ty XinAo Energy Holding Limited	CBNV
8/2011- 8/2016	Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Gas Đô thị	CBNV
8/2016- 1/2017	Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Gas Đô thị	Phó phòng
1/2017 đến nay	Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Gas Đô thị	Phó giám đốc

- o Số cổ phần sở hữu cá nhân: 23.300

2.2. Kế toán trưởng

- o Bà Đặng Thái Hà
- o Ngày tháng năm sinh: 10/11/1977
- o Nơi sinh: Hà Nội Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh
- o Địa chỉ thường trú: 13 ngách 14 Ngõ 639 Hoàng Hoa Thám, Phường Vĩnh Phúc, Quận Ba Đình, Hà Nội
- o Số CMND: 011875446 do Công an Hà Nội cấp ngày 19/11/2008
- o Trình độ văn hoá: 12/12
- o Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế chuyên ngành Kế toán
- o Chứng chỉ hành nghề: Kế toán trưởng ; Dịch vụ thuế
- o Quá trình công tác, kinh nghiệm

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1999 - 2000	Nhân viên kế toán	Công ty phát triển công nghệ thông tin AIC
2000 - 2007	Nhân viên kế toán	Công ty CP Bánh kẹo HảiHá
2007 - 2008	Nhân viên kế toán	Công ty cổ phần đầu tư phát triển Gas Đô thị
2008 - 11/2010	Phó phòng TCKT	Công ty cổ phần đầu tư phát triển Gas Đô thị
11/2010 - đến nay	Kế toán trưởng	Công ty cổ phần đầu tư phát triển Gas Đô thị

- o Số cổ phần sở hữu cá nhân: Không

2.3. Những thay đổi trong điều hành

- Trong năm 2016, và tháng 1/2017 Công ty thay đổi nhân sự trong ban điều hành như sau:
 - o Ông Nguyễn Thành Đơn, thôi giữ chức vụ Giám đốc Công ty kể từ ngày 29/6/2016;

- o Ông Văn Tuấn Anh, đảm nhận chức vụ Giám đốc Công ty kể từ ngày 29/6/2016;
- o Ông Nguyễn Nhật Dương, đảm nhận chức vụ phó Giám đốc Công ty kể từ ngày 13/01/2017;
- o Ông Chenzhi bin, đảm nhận chức vụ phó Giám đốc Công ty kể từ ngày 13/01/2017;

2.4. Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động.

- Đến 31/12/2016, tổng số cán bộ nhân viên 97 người;
- Đảm bảo việc ký hợp đồng lao động, trích nộp bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội bảo hiểm thất nghiệp và các quyền lợi khác của người lao động theo đúng các quy định của pháp luật;
- Thực hiện đúng các chế độ lương thưởng các dịp lễ tết cho người lao động theo quy định của Công ty và pháp luật;
- Mức lương cho người lao động đảm bảo phù hợp với mặt bằng chung và tình hình thị trường. Tiền lương bình quân đạt: 9,6 triệu đồng/người/tháng;
- Thực hiện đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và đào tạo nội bộ cho 227 lượt người (bao gồm đào tạo theo yêu cầu pháp luật...); Đảm bảo người lao động có đầy đủ chứng chỉ, chứng nhận theo yêu cầu của pháp luật.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

- Các khoản đầu tư lớn: Trong năm 2016, Công ty không có các khoản đầu tư lớn
- Các công ty con, công ty liên kết: Không có

4. Tình hình tài chính

4.1. Tình hình tài chính

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% tăng giảm
1	Tổng giá trị tài sản	353,533,775,335	242,054,867,312	-31.5%
2	Doanh thu thuần	663,001,342,760	484,058,122,830	-27.0%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	5,072,993,542	-3,891,355,429	-176.7%
4	Lợi nhuận khác	2,080,431,623	4,122,344,383	-98.1%
5	Lợi nhuận trước thuế	7,153,425,165	230,988,954	-96.8%
6	Lợi nhuận sau thuế	5,579,671,629	158,370,759	-97.2%
7	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	226	-9	-104.0%

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu/

STT	Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
	Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSNH/Nợ NH)	2.34	6.23
	Hệ số thanh toán nhanh ((TSNH-Hàng tồn kho)/Nợ NH)	2.22	5.80
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0.40	0.14
	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0.66	0.16
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
	Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/hàng tồn kho bình quân)	26.46	30.31
	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1.88	2.00
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế /Doanh thu thuần	0.01	0.00
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế /Vốn chủ sở hữu	0.03	0.00
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế /Tổng tài sản	0.02	0.00
	Hệ số Lợi nhuận từ HĐSXKD/Doanh thu thuần	0.01	-0.01

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1. Cổ phần:

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 18.870.000 cổ phần (Mười tám triệu tám trăm bảy mươi)
- Loại cổ phần: Cổ phiếu phổ thông
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 18.870.000

5.2. Cơ cấu cổ đông: Theo danh sách chốt ngày 15/7/2016

TT	Phân loại cổ đông	SL cổ đông	Tổng số cổ phần	Tỷ lệ/VĐL (%)
1	Cổ đông lớn	2	14,982,000	79.40
	Cổ đông nhỏ	1,309	3,888,000	20.60
2	Cổ đông tổ chức	12	15,214,412	80.63
	Cổ đông cá nhân	1,299	3,655,588	19.37
3	Cổ đông trong nước	1,296	9,926,200	52.60
	Cổ đông nước ngoài	15	8,943,800	47.40
4	Cổ đông nhà nước	2	6,918,100	36.66
	Cổ đông khác	1,309	11,951,900	63.34

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu. Không có

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

5.5. Các chứng khoán khác: Không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

- Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: Không có
- Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không có

6.2. Tiêu thụ năng lượng.

- Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:
 - o Điện phục vụ cho hoạt động văn phòng: 8.879 kwh/tháng, điện tại các trạm (bình quân 10-30K Wh/trạm/tháng, sử dụng chủ yếu cho chiếu sáng/chạy báo rò gas, báo cháy)
 - o Xăng cho ô tô 1.580 lit/tháng; dầu 280,5 lit/tháng
- Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: không có
- Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này: không có

6.3. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm): Không đáng kể do hoạt động SXKD không sử dụng nước, nước chỉ dùng cho sinh hoạt văn phòng (97 CBNV, VP hạng B).

- Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: nguồn cung cấp nước là nước máy, lượng tiêu thụ trung bình 82 m³/tháng.
- Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: không có

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có
- Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

- Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động: Đến 31/12/2016, tổng số cán bộ nhân viên 97 người; Tiền lương bình quân ước đạt: 9,6 triệu đồng/người/tháng
- Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động. Công tác an toàn, bảo hộ lao động được chú trọng, các CBNV làm việc tại các bộ phận có yêu cầu nghiêm ngặt về bảo hộ, trang thiết bị lao động đều được Công ty cấp phát và trang bị đầy đủ. 100% CBNV công ty được khám sức khỏe định kỳ hàng năm; được Công ty mua bảo hiểm con người ...
- Thực hiện đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và đào tạo nội bộ cho 227 lượt người (bao gồm đào tạo theo yêu cầu pháp luật...); Đảm bảo người lao động có đầy đủ chứng chỉ, chứng nhận theo yêu cầu của pháp luật.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

- Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng: Không có

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN:
Không có

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Năm 2016, Công ty gặp rất nhiều khó khăn do giá CP thấp (338\$/450\$ kế hoạch), nhà cung cấp LPG thay đổi điều khoản thanh toán, thị trường bất động sản hồi phục chậm, các chủ đầu tư giãn tiến độ thi công dự án hoặc ngừng sử dụng hệ thống gas trung tâm... dẫn đến sản lượng và doanh thu không đạt kế hoạch.

2. Tình hình tài chính

2.1. Tình hình tài sản

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	So sánh với kỳ trước	
			Chênh lệch	% CL
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	324,038,519,730	204,021,753,011	(120,016,766,719)	-37.04%
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	99,463,918,126	49,277,750,246	(50,186,167,880)	-50.46%
1. Tiền	11,883,918,126	8,887,750,246	(2,996,167,880)	-25.21%
2. Các khoản tương đương tiền	87,580,000,000	40,390,000,000	(47,190,000,000)	-53.88%
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	90,846,488,596	85,847,889,002	(4,998,599,594)	-5.50%
1. Đầu tư ngắn hạn	-	-	-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	-	-	-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	90,846,488,596	85,847,889,002	(4,998,599,594)	-5.50%
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	117,983,167,167	53,982,847,676	(64,000,319,491)	-54.25%
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	113,964,167,380	50,520,169,562	(63,443,997,818)	-55.67%
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	700,701,303	342,021,807	(358,679,496)	-51.19%
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	-	-	-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	-	-	-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	-	-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	3,319,167,721	5,131,973,794	1,812,806,073	54.62%
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(869,237)	(2,023,415,150)	(2,022,545,913)	232680.61%
8. Tài sản Thiếu chờ xử lý	-	12,097,663	12,097,663	-
IV. Hàng tồn kho	15,454,218,979	14,081,551,178	(1,372,667,801)	-8.88%

1. Hàng tồn kho	15 454 218 979	14 081 551 178	-1 372 667 801	-8.88%
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-	-	
V. Tài sản ngắn hạn khác	290,726,862	831,714,909	540,988,047	186.08%
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	290,726,862	775,172,581	484,445,719	166.63%
2. Thuế GTGT được khấu trừ	-	45,818,720	45,818,720	
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	-	10,723,608	10,723,608	
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	-	-	-	
5. Tài sản ngắn hạn khác	-	-	-	
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	29,495,255,605	38,033,114,301	8,537,858,696	28.95%
I. Các khoản phải thu dài hạn	1,849,926,066	2,546,475,949	696,549,883	37.65%
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	7,802,353,101	9,812,679,606	2,010,326,505	25.77%
2. Trả trước cho người bán dài hạn	-	-	-	
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	-	-	-	
4. Phải thu nội bộ dài hạn	-	-	-	
5. Phải thu về cho vay dài hạn	-	-	-	
6. Phải thu dài hạn khác	90,995,872	70,995,872	(20,000,000)	-21.98%
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	(6,043,422,907)	(7,337,199,529)	(1,293,776,622)	21.41%
II. Tài sản cố định	9,085,087,848	8,777,214,742	(307,873,106)	-3.39%
1. Tài sản cố định hữu hình	8,957,474,945	7,770,107,463	(1,187,367,482)	-13.26%
- Nguyên giá	14 155 178 074	14 589 561 181	434 383 107	3.07%
- Giá trị hao mòn lũy kế	-5 197 703 129	-6 819 453 718	-1 621 750 589	31.20%
2. Tài sản cố định thuê tài chính	-	-	-	
- Nguyên giá	-	-	-	
- Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	-	
3. Tài sản cố định vô hình	127,612,903	1,007,107,279	879,494,376	689.19%
- Nguyên giá	428,280,060	1,403,925,313	975,645,313	227.81%
- Giá trị hao mòn lũy kế	(300,667,097)	(396,818,034)	(96,150,937)	31.98%
III. Bất động sản đầu tư	-	-	-	

- Nguyên giá	-	-	-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	2,432,247,830	1,340,663,067	(1,091,584,763)	-44.88%
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	-	-	-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	2,432,247,830	1,340,663,067	(1,091,584,763)	-14.88%
V. Đầu tư tài chính dài hạn	408,438,645	7,152,141,301	6,743,702,656	1651.09%
1. Đầu tư vào công ty con	-	-	-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	-	-	-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	-	-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	408,438,645	7,152,141,301	6,743,702,656	1651.09%
VI. Tài sản dài hạn khác	15,719,555,216	18,216,619,242	2,497,064,026	15.89%
1. Chi phí trả trước dài hạn	15,719,555,216	18,082,541,839	2,362,986,623	15.03%
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	134,077,403	134,077,403	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	-	-	-	-
4. Tài sản dài hạn khác	-	-	-	-
5. Lợi thế thương mại	-	-	-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	353,533,775,335	242,054,867,312	(111,478,908,023)	-31.53%

- Các khoản tương đương tiền phản ánh số dư tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng kể từ ngày gửi.
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và thời hạn thu hồi dưới 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo.
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có thời hạn thu hồi trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo.
- Tài sản ngắn hạn năm 2016 giảm 37.04% so với năm 2015 chủ yếu là do Các khoản tương đương tiền và Các khoản phải thu ngắn hạn giảm. Trong đó:
 - o Các khoản tương đương tiền giảm từ 87.58 tỷ xuống còn 40.39 tỷ.
 - o Phải thu ngắn hạn của khách hàng 113.96 tỷ xuống còn 50.52 tỷ.

- o Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi tăng 2.02 tỷ.
- Nợ phải thu dài hạn tại 31.12.2016 tăng so với cùng kỳ năm ngoái. Các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu dài hạn khó đòi cũng tăng từ 6.04 tỷ lên 7.34 tỷ, tăng 21.41%.
- Hiện nay công ty có một số khoản nợ xấu của các khách hàng:

T	Đối tượng	Năm 2015	Năm 2016	Chênh lệch
1	Ban QL DA Thái Hà		2.822.493.740	2.822.493.740
2	Công ty CP Bê tông và xây dựng Vinaconex Xuân Mai	4.035.416.998	2.883.388.050	(1.152.028.948)
3	Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ khí đốt Nam Việt	2.390.138.917	2.390.138.917	-
4	Công ty CP ĐT&PT Năng lượng Hà Nội	819.102.549	819.102.549	-
5	Công ty CP Sông Đà - Thăng Long		3.317.359.214	3.317.359.214
6	Các khách hàng khác	560.592.094	480.396.902	(80.195.192)
	Tổng	7.805.250.558	12.712.879.372	4.907.628.814

Tài sản dài hạn tại thời điểm 31/12/2016 tăng hơn cùng kỳ năm ngoái chủ yếu là do:

- o Các khoản phải thu dài hạn tăng 37.65%
- o Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có thời hạn thu hồi trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo tăng 6.74 tỷ.
- o Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê văn phòng và các khoản chi phí trả trước khác.

Khoản trả trước tiền thuê văn phòng phản ánh chi phí thuê 508m² văn phòng tại tầng 4, tòa nhà Viện Dầu Khí, số 167 Trung Kính Yên, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội. Hợp đồng thuê văn phòng được ký với thời hạn 50 năm tính từ năm 2010. Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Trong Chi phí trả trước dài hạn, Tiền thuê văn phòng tại Tòa nhà Viện dầu khí chiếm 99% (17.960.875.332 đồng).

2.2. Tình hình nợ phải trả

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	So sánh với kỳ trước	
			CL so với kỳ trước	% CL
C. NỢ PHẢI TRẢ	140,213,979,809	33,722,173,700	(106,491,806,109)	-75.95%
I. Nợ ngắn hạn	138,694,787,080	32,758,891,873	(105,935,895,207)	-76.38%
1. Phải trả người bán ngắn hạn	118,481,573,769	22,951,249,510	(95,530,324,259)	-80.63%
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	2,376,641,614	2,320,961,167	(55,680,447)	-2.34%
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	1,980,471,206	31,490,966	(1,948,980,240)	-98.41%
4. Phải trả người lao động	1,702,559,810	1,891,913,474	189,353,664	11.12%
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	236,843,272	218,421,119	(18,422,153)	-7.78%
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	-	-	-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	-	-	-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	128,216,143	258,510,486	130,294,343	101.62%
9. Phải trả ngắn hạn khác	7,731,276,787	2,995,035,851	(4,736,240,936)	-61.26%
10. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn	-	-	-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	3,714,349,279	380,978,100	(3,333,371,179)	-89.74%
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	2,342,855,200	1,710,331,200	(632,524,000)	-27.00%
13. Quỹ bình ổn giá	-	-	-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	-	-	-	-
II. Nợ dài hạn	1,519,192,729	963,281,827	(555,910,902)	-36.59%
1. Phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	-	-	-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	-	-	-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	-	-	-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	-	-	-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	-	-	-	-
7. Phải trả dài hạn khác	66,214,307	73,904,987	7,690,680	11.61%
8. Vay và nợ thuế tài chính dài hạn	-	-	-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	-	-	-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
11. Thuế TN hoãn lại phải trả	-	-	-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	1,452,978,422	889,376,840	(563,601,582)	-38.79%

- Trong các khoản nợ phải trả ngắn hạn thì phải trả người bán chiếm tỷ trọng lớn nhất (70%). Trong đó, nợ phải trả cho Chi nhánh Tổng công ty Khí Việt Nam – Công ty cổ phần Công ty kinh doanh sản phẩm khí là 16.560.377.577 đồng.
 - Các khoản phải trả khác bao gồm các khoản như:
 - o Vay mượn LPG: 4.400.148 đồng
 - o Phải trả cổ tức: 1.370.377.160 đồng
 - o Kinh phí công đoàn: 225.585.358 đồng
 - o Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn: 634.679.397 đồng
 - o Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn: 73.904.987 đồng
 - o Phải trả khác: 759.993.788 đồng
 - Dự phòng phải trả là dự phòng bảo hành công trình, là ước tính chính xác nhất của công ty về khoản nợ phải trả cho thời hạn bảo hành mà công ty áp dụng dựa trên cơ sở thống kê của công ty về xác suất các công trình xây dựng phát sinh lỗi phải bảo hành.
 - o Tại ngày 1/1/2016: 5.167.327.701 đồng
 - o Trích lập bổ sung trong năm: 261.968.690 đồng
 - o Hoàn nhập dự phòng: (4.116.854.921) đồng
 - o Các khoản dự phòng đã sử dụng: (42.086.530) đồng
 - o Tại 31/12/2016: 1.270.354.940 đồng
 - Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc năm tài chính không được dùng chia cho các cổ đông.
- 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý**
- Duy trì Hệ thống quản lý tích hợp ATCLMT.
 - Hệ thống các quy trình, quy định được rà soát, cập nhật để đáp ứng công tác quản lý, điều hành của ban lãnh đạo Công ty. Trong năm, Công ty đã Ban hành lại 73/96 quy trình đang có hiệu lực trong năm 2015, để kịp thời phục vụ hoạt động sản xuất của Công ty
- 4. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý : không**
- 5. Kế hoạch phát triển trong tương lai**
- Đẩy mạnh công tác đầu tư, thi công xây lắp trạm cung cấp gas trung tâm cho các khu đô thị, khu chung cư...;
 - Củng cố hệ thống khách hàng hiện thời và tích cực tìm kiếm các khách hàng công nghiệp/khu công nghiệp (cung cấp qua hệ thống đường ống) mới để nâng cao sản lượng, doanh thu cho Công ty;
 - Xây dựng các trạm nạp CNG/LPG cho các phương tiện giao thông vận tải;
 - Nghiên cứu quy hoạch citygas cho các Thành phố hoặc và các khu đô thị lớn của Hà Nội, Tp.Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Hải Phòng;

- Nghiên cứu đa dạng hóa nguồn khí cung cấp hằng đường ống cho các Thành phố và khu đô thị.
- 6. **Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có):** Không có
- 7. **Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty/**
 - 7.1. **Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải.....)**
 - Các chỉ tiêu tiêu thụ nước, điện, xăng dầu của Công ty đang ở mức trung bình;
 - Công ty có khí phát thải ra môi trường qua việc sử dụng ô tô cho hoạt động của Công ty
 - 7.2. **Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động.**
 - 100% CBNV được bố trí việc làm đầy đủ, phù hợp với chuyên môn, được đóng BH đầy đủ và mua bảo hiểm tự nguyện;
 - Công ty thực hiện trả lương cho người lao động theo đúng quy chế trả lương, đảm bảo trả lương đúng thời hạn, theo chức danh công việc;
 - Công ty quan tâm, chăm lo đến đời sống tinh thần và vật chất của người lao động: các ngày lễ, tết, 8/3, 20/10, thành lập Công ty đều được công ty tổ chức các hoạt động tập thể nhằm mục đích gắn kết người lao động; Các tổ chức đoàn thể như Công đoàn, đoàn thanh niên phối hợp với chính quyền thường xuyên thăm hỏi các CBNV khi ốm đau nhằm động viên, chia sẻ những khó khăn trong cuộc sống
 - 7.3. **Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:**
Không có

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. **Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội.**
 - Năm 2016, Công ty vẫn gặp rất nhiều khó khăn do nhà cung cấp thay đổi chính sách thanh toán; các chủ đầu tư cắt giảm đầu tư hệ thống Gas trung tâm nhằm tiết giảm chi phí: thị trường kinh doanh LPG cạnh tranh khốc liệt....Đối mặt với những khó khăn đó, tập thể CBNV Công ty đã nỗ lực cố gắng tập trung mở rộng tìm kiếm khách hàng LPG công nghiệp: có chiến dịch tuyên truyền về lợi ích của hệ thống gas trung tâm để phát triển khách hàng LPG citygas; hoàn thành quyết toán các hợp đồng xây lắp hệ thống gas; đảm bảo vận hành hệ thống citygas an toàn, hiệu quả, không có các hoạt động làm ảnh hưởng không phù hợp với môi trường và xã hội
2. **Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty**
 - Ban giám đốc Công ty đã thực hiện nghiêm túc Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016, và các kết luận chỉ đạo của HĐQT tại các phiên họp. Ban giám đốc Công ty đã triển khai các biện pháp nhằm thực hiện các mục tiêu và nhiệm vụ sản xuất kinh doanh như:
 - o Chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình đã ký hợp đồng, quyết toán các hợp đồng đã thi công xong;
 - o Tìm kiếm khách hàng LPG công nghiệp; phát triển khách hàng citygas tại các dự án có hệ thống gas Trung tâm;
 - o Tăng cường công tác phát triển dự án, tiết kiệm chi phí quản lý....
 - Trong công tác quản lý điều hành, Ban giám đốc đã phân giao nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Ban giám đốc, trực tiếp phụ trách các mảng hoạt động và các đơn vị trong Công ty

theo nguyên tắc toàn diện và chịu trách nhiệm đến cùng các vấn đề được giao, trên cơ sở tuân thủ các quy định của Công ty và pháp luật.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.

- Năm 2017 với những cơ hội và thách thức mới, để giữ vững và phát triển nâng cao hiệu quả SXKD, Hội đồng quản trị Công ty sẽ tập trung chỉ đạo vào các lĩnh vực sau:
 - o Chỉ đạo phân tích, đánh giá kết quả hoạt động SXKD năm 2016, để có các biện pháp phù hợp cho năm 2017 nhằm đạt kết quả kinh doanh tốt nhất;
 - o Chỉ đạo triển khai kế hoạch SXKD năm 2017 nhằm tiết kiệm tối đa chi phí để sản xuất kinh doanh có hiệu quả.
 - o Kiện toàn lại bộ máy quản lý cho phù hợp với tình hình mới để thực hiện các mục tiêu phát triển trong thời gian tới.
 - o Tăng cường công tác phát triển dự án citygas, mở rộng khách hàng sử dụng gas trung tâm tại các căn hộ của các dự án đã đưa trạm gas vào vận hành khai thác; tìm kiếm thêm khách hàng LPG công nghiệp; tập trung nguồn lực để quyết toán các hợp đồng xây lắp theo hợp đồng đã ký kết; phát triển dự án citygas.
 - o Rà soát, điều chỉnh lại các quy định quy chế phù hợp với tình hình SXKD.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

Số lượng thành viên Hội đồng quản trị trong năm 2016 có 5 thành viên, trong đó số thành viên độc lập là 01, thành viên không điều hành là 04.

T T	Họ và tên	Chức vụ		Số lượng CP SH		Chức vụ tại TC khác
				Số lượng	Tỷ lệ	
1	Văn Tuấn Anh	CT	TV điều hành	9.000	0.005%	
2	Cheung Yipsang	TV	TV không ĐH			TGD của tập đoàn ENN, Trung Quốc
3	Nguyễn Quyết Thắng	TV	TV không ĐH			TB NKK PVGAS
4	Gao Zhixin	TV	TV không ĐH			Tổng cố vấn luật sư
5	Nguyễn Chí Dũng	TV	TV không ĐH	750.900	3.98%	Giám đốc

1.2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Giám sát, chỉ đạo Giám đốc trong việc thực hiện Công tác tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2016: Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1/2016.
- Giám sát việc chỉ đạo điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Giám đốc: Việc triển khai các Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016;
- Chỉ đạo thực hiện việc sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty theo luật doanh nghiệp năm 2014;

- Chỉ đạo Giám đốc Công ty trong việc xây dựng KHKD năm 2016; 2017
- Việc triển khai các dự án xây lắp hệ thống gas Trung tâm và công tác thanh quyết toán các dự án;
- Công tác thu hồi công nợ đối với các khách hàng LPG và xây lắp;
- Việc sử dụng lao động và thực hiện các chế độ chính sách cho người lao động theo quy định của Công ty và pháp luật.
- Chủ tịch Hội đồng quản trị thường xuyên cập nhật tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty để có những chỉ đạo kịp thời trong công tác lãnh đạo quản lý, điều hành của Ban Giám đốc. Từ tháng 6/2016, CTHĐQT đồng thời làm giám đốc Công ty nên các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đã được cập nhật/báo cáo thường xuyên đến HĐQT.
- Năm 2016, HĐQT công ty tổ chức họp HĐQT, nội dung các cuộc họp và kết quả họp và xin ý kiến như sau :

Stt	Ngày họp	Nội dung
1	26/01/2016	<ol style="list-style-type: none"> 1. Ghi nhận kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015 như báo cáo số 06/KDT- KHKD ngày 15/01/2016 của Giám đốc Công ty; 2. Giao Giám đốc Công ty căn cứ KQ TH 2015 và tình hình thị trường 2016 điều chỉnh lại KH 2016, trình HĐQT phê duyệt/thông qua theo thẩm quyền tại cuộc họp lần sau.
2	29/3/2016	<ol style="list-style-type: none"> 1. Thông qua báo cáo tài chính kiểm toán năm 2015, trình ĐHĐCĐ thường niên 2016 thông qua; 2. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2015, trình ĐHĐCĐ thường niên 2016 thông qua ; 3. Đồng ý với báo cáo Quyết toán thù lao HĐQT, BKS năm 2015 và kế hoạch năm 2016 trình ĐHĐCĐ thường niên 2016 thông qua ; 4. KHKD 2016: Giao BGD căn cứ KQTH 2015 để xây dựng KHKD năm 2016, trình HĐQT trước ngày 28/4/2016; 5. Đối với việc sửa đổi Điều lệ công ty. Bổ sung thêm 02 nội dung vào tờ trình sửa đổi Điều lệ Công ty theo Luật doanh nghiệp 2014, trình HĐQT cùng với KHKD năm 2016; 6. Đối với việc họp ĐHĐCĐ thường niên 2016: HĐQT sẽ quyết định việc ĐHĐCĐ ngay khi BGD trình phê duyệt lại KHKD năm
2	13/4/2016	<ol style="list-style-type: none"> 1. Thời gian họp ĐHĐCĐ TN năm 2016 được tổ chức trước ngày 30/6/2016 2. Giao cho Giám đốc Công ty thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật về thời gian tổ chức họp ĐHĐCĐ TN năm 2016 nói trên
3	02/6/2016	<ol style="list-style-type: none"> 1. Đồng ý KHKD năm 2016 như đề nghị của Giám đốc Công ty tại tờ trình số 27 KDT-TTr ngày 24 tháng 5 năm 2016, trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2016 thông qua theo thẩm quyền; 2. Thông qua các nội dung sửa đổi Điều lệ Công ty như file đính kèm, trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2016 thông qua theo thẩm quyền. 3. Đồng ý việc tổ chức họp ĐHĐCĐ TN năm 2016, giao Giám đốc Công ty

		<p>thực hiện theo quy định, như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Ngày 24/6/2016; - Nội dung họp: như đề nghị của Giám đốc Công ty tại tờ trình số 29/KĐT-TTr ngày 24 tháng 5 năm 2016;
4	17/6/2016	<ol style="list-style-type: none"> 1. Thông qua việc từ nhiệm vị trí TVHDQT Công ty cổ phần đầu tư phát triển Gas Đô thị của ông Nguyễn Đức Dân kể từ ngày 09/6/2016. 2. Bổ nhiệm tạm thời Ông Nguyễn Chí Dũng, sinh ngày 04/3/1974, CMND số 012973905 cấp ngày 02/7/2011 tại Hà Nội làm thành viên HĐQT Công ty cổ phần đầu tư phát triển Gas Đô thị kể từ ngày 09/6/2016 3. Trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 Công ty cổ phần đầu tư phát triển Gas Đô thị (được tổ chức vào ngày 24/6/2016) thông qua nội dung tại Điều 1, 2 nói trên theo thẩm quyền.
5	28/6/2016	<ol style="list-style-type: none"> 1. Thông qua việc chi trả cổ tức như sau: <ul style="list-style-type: none"> - Ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền nhận cổ tức năm 2015 là ngày 15/7/2016. - Thời gian chi trả: Do Giám đốc Công ty quyết định sau khi có danh sách người sở hữu chứng khoán do VSD lập và gửi cho công ty. 2. Giao Giám đốc Công ty quyết định các vấn đề liên quan đến việc ký kết và thực hiện hợp đồng kiểm toán BCTC năm 2016 với Công ty TNHH Deloitte Việt Nam theo đúng các quy định của pháp luật và Công ty 3. Đối với Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016: Giao Giám đốc Công ty xây dựng chỉ tiêu KHKD năm 2016 trình HĐQT; 4. Đối với việc báo cáo công nợ: Giao Giám đốc Công ty báo cáo công nợ hàng tháng cho HĐQT; 5. Đối với dự án Phú Mỹ Hưng: Đồng ý chủ trương nghiên cứu cấp khí bằng đường ống từ khu Công nghiệp Hiệp phước 6. Đối với việc thay thế người đại diện theo pháp luật của Công ty: Đồng ý để ông Văn Tuấn Anh đảm nhận chức vụ Giám đốc, người đại diện theo pháp luật thay thế cho ông Nguyễn Thành Đôn kể từ ngày 29 tháng 6 năm 2016; 7. Giao Giám đốc Công ty thực hiện việc xin ý kiến ĐHĐCĐ bằng văn bản đề thông qua việc CTHĐQT kiêm nhiệm Giám đốc Công ty
6	29/6/2016	<ol style="list-style-type: none"> 1. Tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1/2016 để thông qua việc CTHĐQT đồng thời làm Giám đốc Công ty. 2. Giao Ban điều hành thực hiện các thủ tục theo quy định của Công ty và

		<p>pháp luật để hoàn thành công việc tại Điều 1.</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đối với việc mở bảo lãnh Ngân hàng: Ủy quyền cho Giám đốc Công ty quyết định việc mở bảo lãnh và các vấn đề liên quan đến mở bảo lãnh tại ngân hàng 2. Đối với báo cáo công nợ: Thực hiện báo cáo hàng tháng cho HĐQT. 3. Giao GD rà soát các nội dung sau, xây dựng phương án thực hiện cụ thể trình HĐQT quyết định: <ul style="list-style-type: none"> - Tìm thêm nguồn khí của nhà cung cấp khác; - Điều kiện kinh doanh: lập phương án trình HĐQT trước 30/8/2016 - Về tổ chức nhân sự: đánh giá lại nhân sự, điều chỉnh những vị trí không đạt yêu cầu. - Vấn đề thưởng phạt: xây dựng chính sách thưởng phạt để kích thích tính tích cực của nhân viên. - Việc áp dụng công nghệ thông tin vào việc quản lý khách hàng: lên phương án áp dụng công nghệ APP trình HĐQT. - Về quản lý con dấu: Giao việc quản lý con dấu Công ty cho chị Lê Thị Thu Hiền. Đối với các hợp đồng liên quan đến TCT và một số vấn đề quan trọng khác, ủy quyền cho ông Nguyễn Nhật Dương kiểm soát trước khi đóng dấu. - Về vấn đề tài chính: HĐQT ủy quyền cho ông Bản phụ trách thẩm duyệt các khoản chi liên quan trực tiếp đến GD. Về giám sát tại P.TCKT, yêu cầu bà Hà làm việc với ông Châu để đưa ra phạm vi mà ông Châu cần giám sát. - Về các quy định quản lý con dấu; giám sát tài chính; hợp đồng như mục f,g nêu trên, giao Giám đốc Công ty bổ sung vào các quy định/quy chế: Tài chính: Chi tiêu; quản lý con dấu, thẩm quyền ký tài, nháy và các quy định liên quan trình HĐQT Công ty phê duyệt, trong đó nêu rõ trách nhiệm của những người được HĐQT công ty ủy quyền/giao nhiệm vụ nêu trên.
7	09/8/2016	<ol style="list-style-type: none"> 1. Về ước thực hiện 3 tháng cuối năm 2016: Giám đốc cần cố gắng hết sức để kết quả kinh doanh không lỗ. 2. Đối với vấn đề thu hồi công nợ: Đồng ý với đề nghị của Giám đốc Công ty tại tờ trình số 64/KDT-TTr và tờ trình số 65/KDT-TTr ngày 19/9/2016 về việc trình HĐQT phê duyệt phương án thu hồi nợ xấu, nợ khó đòi, và thu hồi công nợ bằng việc mua nhà để khấu trừ công nợ tại dự án U'silk đối với Công ty cổ phần Sông Đà Thăng Long (chi tiết như tờ trình đính kèm). Báo cáo HĐQT Công ty kết quả thực hiện. 3. Đối với KII 2017: Giao giám đốc công ty thực hiện việc xây dựng kế hoạch năm 2017 và kế hoạch giai đoạn có tính toán đến việc kinh doanh LPG thương mại, công nghiệp và dân dụng. Báo cáo HĐQT công ty tiền
8	21/10/2016	

độ thực hiện và các vướng mắc khi triển khai

4. Thành lập thêm phòng phát triển khách hàng lớn. Giao giám đốc Công ty tổ chức thực hiện.
5. Ủy quyền cho Ông Uông Lệnh Châu thực hiện giám sát tài chính tại Công ty gồm các vấn đề sau:
 - Có quyền truy cập tài khoản của Công ty trên internet;
 - Có quyền đề nghị mở, hủy và kiểm tra số dư tài khoản trên bảng sao kê cuối tháng;
 - Có quyền ký vào các phiếu đề nghị thanh toán;
 - Có quyền kiểm soát và ký nháy mọi vấn đề giao dịch liên quan đến các hợp đồng với các cổ đông, trừ các hợp đồng thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT và DHDGD;
 - Ký nháy toàn bộ hợp đồng;
 - Ký nháy các khoản thanh toán và tiền chi thưởng ngoài lương từ 10 triệu đồng trở lên/người
 - Được chia sẻ mọi thông tin về quản lý tài chính của Công ty bao gồm cả Chi nhánh: cơ chế quản lý; báo cáo phân tích tài chính; thông tin kế toán....
 - Có quyền kiểm tra Chi nhánh TPHCM hoặc chọn đọc tài liệu, thông tin tài chính của CN. Hỏi về tình hình tài chính của Công ty.

1.4. *Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập.* Thường xuyên tham gia các cuộc họp và cập nhật tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty để kịp thời nắm bắt kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty để có ý kiến kịp thời đối với các mặt hoạt động của Công ty nói chung và công tác lao động, tiền lương nói riêng.

1.5. *Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty.* Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm

- Ông Văn Tuấn Anh - Chủ tịch HĐQT, tham dự khóa đào tạo Quản trị tài chính dành cho cán bộ quản lý doanh nghiệp:

2. Ban Kiểm soát

2.1. *Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:* (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành.

TT	Thành viên BKS	Chức vụ	Số lượng CP SH		Ghi chú
			Số lượng	Tỷ lệ	
1	Ông Nguyễn Công Luận	TB	0		
2	Ông Đỗ Anh Tuấn	KSV	0		
3	Bà Yang xing Qiong	KSV	0		

2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông: BKS công ty thực hiện chức năng nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty và Pháp luật, kết quả giám sát năm 2016 như sau:

- Việc ban hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị đã tuân thủ theo đúng Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đã được Ban Giám đốc Công ty triển khai thực hiện theo đúng yêu cầu.
- Các quyết định trong quản lý điều hành của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã thể hiện sự cẩn trọng cần thiết, hạn chế rủi ro, coi trọng tính hiệu quả, tuân thủ quy định của Công ty và pháp luật Nhà nước.
- Lãnh đạo Công ty cũng đã chú trọng thực hiện các biện pháp bảo toàn vốn như: công tác thu hồi công nợ được quan tâm. Thực hiện trích lập quỹ dự phòng tài chính đầy đủ, đúng quy định.
- Các cổ đông công ty tuân thủ các quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty về quyền và nghĩa vụ của các cổ đông.
- Việc trả lương, thưởng và sử dụng các quỹ thực hiện đảm bảo công bằng, minh bạch theo đúng các quy chế đã được phê duyệt. Lãnh đạo Công ty đã chú trọng thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ chính sách cho người lao động theo quy định của pháp luật.
- Năm 2016, Ban kiểm soát Công ty tổ chức 01 cuộc họp, nội dung các cuộc họp và kết quả như sau:

Stt	Ngày họp	Nội dung/KQ	
		Nội dung	Kết quả
1	06/4/2016	Thẩm định báo cáo tài chính Quý 1/2016 và triển khai công tác 2016	3/3 đồng ý

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát/

3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

STT	Tên	Lương, thưởng	Thù lao	Ghi chú
1	Ban giám đốc	1,223,405,563		
1.1	Nguyễn Thành Đôn	270.362.272		Miễn nhiệm từ 29/6/2016
1.2	Văn Tuấn Anh	177.489.309		Bỏ nhiệm từ 29/6/2016
1.3	Phạm Văn Tuyền	387.276.991		
1.4	Bùi Xuân Năng	388.276.991		
2	Hội đồng quản trị	268,557,908	84.000.000	
2.1	Cheung Yipsang		24.000.000	
2.2	Liu Yong Xin		24.000.000	
2.3	Nguyễn Chí Dũng		12.000.000	Bỏ nhiệm từ 9/6/2016
	Nguyễn Đức Dân		12.000.000	Miễn nhiệm từ 9/6/2016
2.4	Nguyễn Thành Đôn		12.000.000	
2.5	Văn Tuấn Anh	268.557.908		
3	Ban kiểm soát		60.000.000	

3.1	Nguyễn Công Luận		24,000,000	
3.2	Yang Xing Qiong		18,000,000	
3.3	Đỗ Anh Tuấn		18,000,000	
	Tổng	1,491,963,471	144,000,000	

3.2. *Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:*

T	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	
			Số CP	Tỷ lệ	Số CP	Tỷ lệ
1	Văn Tuấn Anh		119.000	0.63%	9000	0.04%
2	Công ty CP đầu tư PT Đô thị và khu Công nghiệp Sông Đà	TV HĐQT	749.300	3.97%	0	0

3.3. *Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:* Không có

3.4. *Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:* Công ty đã tuân thủ các quy định về quản trị Công ty. Trong năm, một cán bộ chủ chốt của Công ty đã tham gia khoa Dự khóa đào tạo Quản trị tài chính dành cho cán bộ quản lý doanh nghiệp do Tổng công ty Khí tổ chức và một số các khóa tập huấn, phổ biến các nghị định, thông tư mới do UBCKNN, Sở giao dịch CK Hà Nội tổ chức, tuy nhiên vì lý do bận công tác, một số cán bộ chủ chốt của Công ty chưa tham gia đủ các khóa tập huấn này.

VI. Báo cáo tài chính/

1. Ý kiến kiểm toán

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Gas Đô thị

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gas Đô thị (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28 tháng 02 năm 2017, từ trang 05 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về

kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Dặng Chí Dũng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0030-2013-001-1

Vũ Mạnh Hùng

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2737-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 28 tháng 02 năm 2017

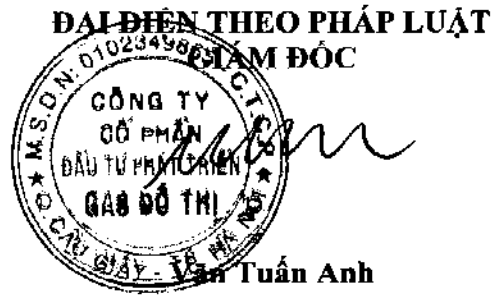
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

2. **Báo cáo tài chính được kiểm toán/** (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính ...) *Như ban đính kèm*

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán/ (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính ...) Như bản đính kèm

Nơi nhận: *đ* *đ*

- UBCKNN;
- Sở GD&ĐT HN;
- HĐQT, BKS (báo cáo);
- Lưu VT. H.03.



Deloitte.

Signature Not Verified
Được ký bởi NGUYỄN THỊ HUỆ
Ngày ký: 01.03.2017 10:56

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
GAS ĐÔ THỊ**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016**



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 26



112500 - 6

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GAS ĐÔ THỊ
Tầng 4, Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam,
167 Trung Kính, TP. Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gas Đô thị (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Văn Tuấn Anh	Chủ tịch
Ông Cheung Yipsang	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Chí Dũng	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 09 tháng 6 năm 2016)
Ông Nguyễn Quyết Thắng	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 13 tháng 01 năm 2017)
Ông Gao Zhixin	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 13 tháng 01 năm 2017)
Ông Nguyễn Đức Dân	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 09 tháng 6 năm 2016)
Ông Nguyễn Thành Đôn	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 13 tháng 01 năm 2017)
Ông Liu Yongxin Michael	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 13 tháng 01 năm 2017)

Ban Giám đốc

Ông Văn Tuấn Anh	Giám đốc (bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2016)
Ông Nguyễn Thành Đôn	Giám đốc (miễn nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2016)
Ông Bùi Xuân Năng	Phó Giám đốc
Ông Phạm Văn Tuyền	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Nhật Dương	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 13 tháng 01 năm 2017)
Ông Chen Zhibin	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 13 tháng 01 năm 2017)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

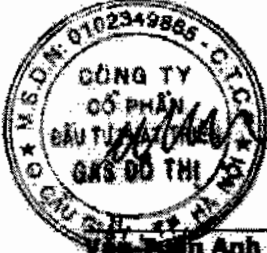
Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GAS ĐỒ THỊ
Tầng 4, Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam,
167 Trung Kính, TP. Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Anh
Giám đốc

Ngày 28 tháng 02 năm 2017

Số: 451 /MN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gas Đô thị

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gas Đô thị (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28 tháng 02 năm 2017, từ trang 05 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

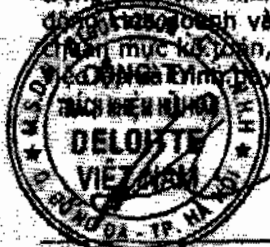
Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Đặng Chí Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0030-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 28 tháng 02 năm 2017
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Vũ Mạnh Hùng
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2737-2013-001-1

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited, một công ty TNHH có trụ sở tại Anh, và mang tên các hãng thành viên - mỗi thành viên là một tổ chức độc lập về mặt pháp lý. Deloitte Touche Tohmatsu Limited (hay "Deloitte Touche Tohmatsu") không cung cấp dịch vụ cho các khách hàng, vui lòng xem tại website www.deloitte.com/vn để biết thêm thông tin chi tiết về cơ cấu pháp lý của Deloitte Touche Tohmatsu Limited và các hãng thành viên.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		204.021.753.011	324.038.519.730
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3	49.277.750.246	99.463.918.126
1. Tiền	111		8.887.750.246	11.883.918.126
2. Các khoản tương đương tiền	112		40.390.000.000	87.580.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	85.847.889.002	90.848.488.596
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		85.847.889.002	90.848.488.596
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		53.982.847.676	117.983.167.167
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	50.520.169.562	113.964.167.380
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		342.021.807	700.701.303
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	5.131.973.794	3.319.167.721
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(2.023.415.150)	(869.237)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		12.097.663	-
IV. Hàng tồn kho	140	10	14.081.551.178	15.454.218.979
1. Hàng tồn kho	141		14.081.551.178	15.454.218.979
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		831.714.909	290.726.862
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	775.172.581	290.726.862
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		45.818.720	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15	10.723.608	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		38.033.114.301	29.495.255.605
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.546.475.949	1.849.928.066
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	7	9.812.679.606	7.802.353.101
2. Phải thu dài hạn khác	216	8	70.995.872	90.995.872
3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	9	(7.337.199.529)	(6.043.422.907)
II. Tài sản cố định	220		8.777.214.742	9.065.887.848
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	7.770.107.463	8.957.474.945
- Nguyên giá	222		14.589.561.181	14.155.178.074
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(6.819.453.718)	(5.197.703.129)
2. Tài sản cố định vô hình	227		1.007.107.279	127.612.903
- Nguyên giá	228		1.403.925.313	428.280.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(396.818.034)	(300.667.097)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.340.663.067	2.432.247.830
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	1.340.663.067	2.432.247.830
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	6	7.152.141.301	408.438.645
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		7.152.141.301	408.438.645
V. Tài sản dài hạn khác	260		18.216.619.242	15.719.555.216
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	18.082.541.839	15.719.555.216
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		134.077.403	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		242.054.867.312	353.533.775.335

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		33.722.173.700	140.213.979.809
I. Nợ ngắn hạn	310		32.758.891.873	138.694.787.080
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	22.951.249.510	118.481.573.769
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.320.961.167	2.376.641.614
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	31.490.966	1.980.471.206
4. Phải trả người lao động	314		1.891.913.474	1.702.559.810
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	218.421.119	236.843.272
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		258.510.486	128.216.143
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	2.995.035.851	7.731.276.787
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	18	380.978.100	3.714.349.279
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.710.331.200	2.342.855.200
II. Nợ dài hạn	330		963.281.827	1.519.192.729
1. Phải trả dài hạn khác	337	17	73.904.987	66.214.307
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342	18	889.376.840	1.452.978.422
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		208.332.693.612	213.319.795.528
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	208.332.693.612	213.319.795.528
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		188.700.000.000	188.700.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		188.700.000.000	188.700.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		15.480.000.000	15.480.000.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.596.615.372	2.596.615.372
4. Quỹ khác của chủ sở hữu	420		337.031.314	337.031.314
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.219.046.926	6.206.148.840
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ kể đến cuối năm trước	421a		1.205.236.167	760.477.211
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		13.810.759	5.445.671.629
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		242.054.867.312	353.533.775.335



Văn Tuấn Anh
 Giám đốc

Đặng Thái Hà
 Kế toán trưởng

Phan Ngọc Lan
 Người lập biểu

Ngày 28 tháng 02 năm 2017

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		484.058.122.830	663.001.342.760
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	21	484.058.122.830	663.001.342.760
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	22	463.674.935.057	636.807.817.440
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		20.383.187.773	26.193.525.320
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	9.095.580.258	8.838.746.655
7. Chi phí tài chính	22		121.770.128	891.000
8. Chi phí bán hàng	25	25	12.674.611.308	11.176.000.522
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	20.573.742.024	18.782.386.911
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		(3.891.355.429)	5.072.993.542
11. Thu nhập khác	31	26	4.122.444.448	2.099.440.229
12. Chi phí khác	32		100.065	19.008.606
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		4.122.344.383	2.080.431.623
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		230.988.954	7.153.425.165
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	27	206.695.598	1.573.753.536
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(134.077.403)	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		158.370.759	5.579.671.629
18. Lợi nhuận trên cổ phiếu	70	28	1	217



Văn Tuấn Anh
 Giám đốc

Đặng Thái Hà
 Kế toán trưởng

Phan Ngọc Lan
 Người lập biểu

Ngày 28 tháng 02 năm 2017

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	585.707.798.692	723.710.919.362
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(618.485.192.879)	(697.542.999.162)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(14.087.377.999)	(17.030.018.996)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(88.236.548)	-
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(689.659.099)	(1.091.862.108)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	1.846.155.010	2.618.945.811
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(5.975.445.613)	(5.522.316.531)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(51.771.958.436)	5.142.668.376
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(136.636.830)	(2.236.360.894)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(42.591.591.658)	(103.853.913.543)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	40.846.488.596	106.238.103.284
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	7.175.171.812	7.656.513.071
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	5.293.431.920	7.804.341.918
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	19.207.497.152	-
2. Tiền chi nợ gốc vay	34	(19.207.497.152)	-
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông	36	(3.729.430.870)	(7.263.815.905)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(3.729.430.870)	(7.263.815.905)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50	(50.207.957.386)	5.683.194.389
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	99.463.918.126	93.701.993.997
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	21.789.506	78.729.740
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 60+61)	70	49.277.750.246	99.463.918.126



Văn Tuấn Anh
 Giám đốc

Đặng Thái Hà
 Kế toán trưởng

Phan Ngọc Lan
 Người lập biểu

Ngày 28 tháng 02 năm 2017

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gas Đô thị (gọi tắt là "Công ty") hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103019021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 10 tháng 8 năm 2007, thay đổi lần thứ 14 ngày 30 tháng 6 năm 2016.

Vốn điều lệ của Công ty là 188.700.000.000 VND. Cổ phiếu của Công ty được chính thức giao dịch trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày 29 tháng 12 năm 2010 với mã chứng khoán là PCG.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 97 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là: 103).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Tư vấn, thiết kế, đầu tư, chuyển giao công nghệ, bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt máy, thiết bị và các dịch vụ khác phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh gas;
- Tư vấn, lập dự án đầu tư, lắp đặt và vận hành hệ thống, thiết bị công nghệ phục vụ cung cấp, sản xuất khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG), khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG), khí thiên nhiên nén (CNG), khí thiên nhiên tổng hợp (SNG), khí Dimethy ether (DME);
- Kinh doanh và vận chuyển qua mạng đường ống, xe bồn chuyên dụng, tàu hóa chuyên dụng và các loại khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG), khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG), khí thiên nhiên nén (CNG), khí thiên nhiên tổng hợp (SNG), khí Dimethy ether (DME); vận chuyển bình khí bằng xe tải;
- Kinh doanh vật tư, thiết bị, hóa chất, phụ kiện ngành khí; kinh doanh máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, máy xây dựng; kinh doanh nguyên vật liệu, thiết bị lắp đặt trong xây dựng;
- Xây dựng kho bãi, trạm chiết nạp phục vụ cho hoạt động kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG), khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG), khí thiên nhiên nén (CNG), khí thiên nhiên tổng hợp (SNG), khí Dimethy ether (DME);
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp; chuyển giao công nghệ, bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt máy móc, thiết bị phục vụ cho sản xuất kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG), khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG), khí thiên nhiên nén (CNG), khí thiên nhiên tổng hợp (SNG), khí Dimethy ether (DME);
- Môi giới thương mại;
- Đại lý mua, bán, ký gửi hàng hóa;
- Đào tạo lao động phục vụ ngành khí (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Kinh doanh bất động sản;
- Kinh doanh dịch vụ bất động sản: môi giới, định giá, tư vấn, đấu giá, quảng cáo, quản lý bất động sản (không bao gồm hoạt động môi giới giá đất);
- Kinh doanh thiết bị chuyển đổi từ nhiên liệu xăng, diesel sang LPG, CNG, LNG;
- Dịch vụ tư vấn, thi công, lắp đặt, cung cấp thiết bị hệ thống điều hòa không khí, điện, nước, thang máy, trang trí nội ngoại thất, thiết bị phòng cháy, chữa cháy;
- Thi công, lắp đặt, đầu tư và vận hành hệ thống thiết bị cung cấp LPG cho khu đô thị, khu công nghiệp;
- Thiết kế, xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp;
- Thiết kế, lắp đặt thiết bị, công nghệ hệ thống thi công khí gas công trình xây dựng;
- Giám sát thi công, xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng và công nghiệp.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh gas dân dụng và công nghiệp.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có một Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh - được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 4113029054 đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 10 năm 2007, thay đổi lần thứ 7 ngày 29 tháng 11 năm 2012.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thống lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

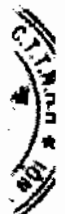
Ngày 21 tháng 3 năm 2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 53/2016/TT-BTC ("Thông tư 53") sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 53 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 53 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.



1
1
1
1
1

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá xuất kho của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GAS ĐÔ THỊ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MÃU SỐ B 09-DN

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Năm nay</u> <u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải	6 - 15
Thiết bị văn phòng	3 - 10
Tài sản cố định khác	3 - 6

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê văn phòng và các khoản chi phí trả trước khác.

Khoản trả trước tiền thuê văn phòng phản ánh chi phí thuê 508 m² văn phòng tại tầng 4, Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 167 đường Trung Kính, Hà Nội. Hợp đồng thuê văn phòng được ký với thời hạn 50 năm tính từ năm 2010. Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và các chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu của hợp đồng xây dựng: Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền mặt	742.285.172	580.117.407
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8.145.465.074	11.303.800.719
Các khoản tương đương tiền (*)	40.390.000.000	87.580.000.000
	49.277.750.246	99.463.918.126

(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh số dư tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng kể từ ngày gửi.

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	85.847.889.002	85.847.889.002	90.846.488.596	90.846.488.596
	85.847.889.002	85.847.889.002	90.846.488.596	90.846.488.596
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	7.152.141.301	7.152.141.301	408.438.645	408.438.645
	7.152.141.301	7.152.141.301	408.438.645	408.438.645

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và thời hạn thu hồi dưới 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có thời hạn thu hồi trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo.

7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
- Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn - Hà Nội	11.799.730.575	-
- Công ty Cổ phần Dầu khí Delta Việt Nam	4.708.045.650	-
- Công ty TNHH MTV Kinh doanh Dầu khí Việt Hải	3.587.100.666	3.858.158.028
- Công ty TNHH Hướng Minh	-	6.598.358.952
- Công ty TNHH MTV Gas Venus	-	11.435.758.555
- Công ty Cổ phần Nam Bạch Đằng	-	14.848.131.177
- Các khoản phải thu khách hàng khác	30.425.292.671	77.223.760.668
	<u>50.520.169.562</u>	<u>113.964.167.380</u>
b. Phải thu dài hạn của khách hàng		
- Ban Quản lý Dự án Thái Hà	2.822.493.740	-
- Công ty Cổ phần Sông Đà - Thăng Long	3.317.359.214	-
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Khí đốt Nam Việt	2.390.138.917	2.390.138.917
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Hà Nội	819.102.549	819.102.549
- Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Xuân Mai	-	4.035.416.998
- Các khoản phải thu khách hàng khác	463.585.186	557.694.637
	<u>9.812.679.606</u>	<u>7.802.353.101</u>

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
a. Ngắn hạn		
- Lãi dự thu	3.840.856.079	1.975.770.720
- Tạm ứng	1.081.117.715	949.219.752
- Các khoản phải thu khác	210.000.000	394.177.249
	<u>5.131.973.794</u>	<u>3.319.167.721</u>
b. Dài hạn		
- Ký cược, ký quỹ	70.995.872	90.995.872
	<u>70.995.872</u>	<u>90.995.872</u>

9. NỢ XẤU

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
	VND	VND	(tháng)	VND	VND	(tháng)
Đổi tiếp						
Phải thu, cho vay quá hạn	12.712.879.372	3.352.264.893		7.805.250.558	1.760.858.414	
Ban quản lý Dự án Thái Hà	2.822.493.740	848.748.122	24	-	-	-
Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Xuân Mai	2.883.388.050	865.016.415	61	4.035.416.998	1.210.625.099	49
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Khí đốt Nam Việt	2.390.138.917	-	71	2.390.138.917	-	59
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Hà Nội	819.102.549	-	46	819.102.549	245.730.765	34
Công ty Cổ phần Sông Đà - Thăng Long	3.317.359.214	1.498.992.417	26	-	-	-
Các đối tượng khác	480.396.902	141.507.739		560.592.094	304.602.530	

10. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	7.933.396.431	-	8.268.371.365	-
Công cụ, dụng cụ	9.869.219	-	19.051.112	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	4.364.438.537	-	4.937.034.596	-
Hàng hoá	1.773.846.991	-	2.229.761.906	-
Cộng	14.081.531.178	-	15.454.218.979	-

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	22.995.446	18.681.599
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	752.177.135	272.045.263
	775.172.581	290.726.862
b) Dài hạn		
Tiền thuê văn phòng tại Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam	17.960.875.332	15.590.788.256
Chi phí trả trước dài hạn khác	121.665.507	128.766.960
	18.082.541.839	15.719.555.216

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Hạng mục và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị vấn phòng VND	Khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	222.458.772	1.494.762.818	96.519.090	12.341.437.394	14.158.178.074
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	-	434.383.107	434.383.107
Số dư cuối năm	222.458.772	1.494.762.818	96.519.090	12.775.820.501	14.588.561.381
GIÁ TRỊ HẠO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	222.458.772	1.494.762.818	82.952.800	1.397.528.659	3.197.703.129
Trích khấu hao trong năm	-	-	11.290.000	1.610.460.589	1.621.750.589
Số dư cuối năm	222.458.772	1.494.762.818	94.242.800	5.007.989.248	6.819.453.718
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày cuối năm	-	-	2.276.210	7.767.831.253	7.770.107.463
Tại ngày đầu năm	-	-	13.566.210	8.943.908.735	8.957.474.945

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với số tiền là 3.939.563.674 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 3.133.439.431 VND).

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN ĐÓNG DANG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trạm cấp gas Phú Mỹ Hưng	1.295.163.067	1.295.163.067
Trạm cấp gas cho Khu đô thị Vinh Điểm Trung - Nhà Trang	45.500.000	45.500.000
Trạm gas trung tâm Dự án CT1, CT2 Ngõ Thị Nhậm - Hà Đông	-	434.383.107
Khác	-	657.201.656
	1.340.663.067	2.432.247.830

Số/Lưu/TE/AM/VE/H

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GAS ĐÓ THỊ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MÃU SỐ B 09-DN

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Kinh doanh Sản phẩm khí	16.560.377.577	110.703.264.923
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	2.572.353.765	2.132.592.700
Công ty Cổ phần năng lượng Gas Miền Trung	1.364.157.696	-
Các đối tượng khác	2.454.360.472	5.645.716.146
	22.951.249.510	118.481.573.769
Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-
Phải trả người bán là các bên liên quan (được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 30)	19.569.878.149	113.451.899.887

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Chỉ tiêu	<u>Phát sinh trong năm</u>			Số cuối năm VND
	Số đầu năm VND	Số phải thu/nộp VND	Số để thu/nộp VND	
a) Các khoản phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	10.723.608	-	10.723.608
Cộng	-	10.723.608	-	10.723.608
b) Các khoản phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	1.503.429.779	397.562.133	1.880.101.272	20.890.640
Thuế thu nhập doanh nghiệp	425.081.093	264.578.006	689.659.099	-
Thuế thu nhập cá nhân	51.960.334	359.374.929	400.734.937	10.600.326
Thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	-
Cộng	1.980.471.206	1.025.515.068	2.974.495.308	31.490.966

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Trích trước chi phí dự án	-	10.000.000
Chi phí phải trả khác	218.421.119	226.843.272
	218.421.119	236.843.272

17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
a) Ngắn hạn		
Vay mượn LPG	4.400.148	5.387.672.546
Phải trả cổ tức	1.370.377.160	1.395.655.285
Kinh phí công đoàn	225.585.358	183.648.013
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	634.679.397	359.924.000
Phải trả các tổ đội thi công	556.485.352	200.999.352
Các khoản khác	203.508.436	203.377.591
	2.995.035.851	7.731.276.787
b) Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	73.904.987	66.214.307
	73.904.987	66.214.307

18. CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG

	<u>Dự phòng bảo hành sản phẩm</u> VND
Số dư đầu năm	5.167.327.701
Trích lập dự phòng bổ sung trong năm	261.968.690
Hoàn nhập dự phòng	(4.116.854.921)
Các khoản dự phòng đã sử dụng	(42.086.530)
Số dư cuối năm	1.270.354.940
	Số cuối năm VND
Chi tiết:	
- Nợ ngắn hạn	380.978.100
- Nợ dài hạn	889.376.840
	1.270.354.940

Dự phòng bảo hành công trình là ước tính chính xác nhất của Ban Giám đốc về khoản nợ phải trả cho thời hạn bảo hành Công ty áp dụng đối với các công trình xây dựng phát sinh lỗi phải bảo hành.

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	188.700.000.000	15.480.000.000	337.031.314	2.596.615.372	10.317.108.736	217.430.755.422
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	5.579.671.629	5.579.671.629
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(1.968.087.367)	(1.968.087.367)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(7.548.000.000)	(7.548.000.000)
Thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	(132.000.000)	(132.000.000)
Giảm khác	-	-	-	-	(42.544.158)	(42.544.158)
Số dư đầu năm nay	188.700.000.000	15.480.000.000	337.031.314	2.596.615.372	6.206.148.840	213.319.795.526
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	158.370.759	158.370.759
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	-	-	(1.062.000.000)	(1.062.000.000)
Chia cổ tức (i)	-	-	-	-	(3.774.000.000)	(3.774.000.000)
Thù lao Hội đồng Quản trị (i)	-	-	-	-	(144.000.000)	(144.000.000)
Giảm khác	-	-	-	-	(165.472.673)	(165.472.673)
Số dư cuối năm nay	188.700.000.000	15.480.000.000	337.031.314	2.596.615.372	1.219.046.926	208.332.693.612

(i) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2015 theo Nghị quyết số 01/NQ-DHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông ngày 24 tháng 6 năm 2016, trong đó chia cổ tức cho các cổ đông với số tiền 3.774.000.000 VND và trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi với số tiền 1.062.000.000 VND.

Ban Giám đốc Công ty quyết định trích các khoản thù lao Hội đồng Quản trị từ lợi nhuận sau thuế năm 2016 theo Nghị quyết số 01/NQ-DHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông ngày 24 tháng 6 năm 2016. Ban Giám đốc tin tưởng rằng, việc trích quỹ như trên sẽ phản ánh đúng tình hình hoạt động thực tế của Công ty.

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cổ phiếu		
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+) Cổ phiếu phổ thông	18.870.000	18.870.000
+) Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ		
+) Cổ phiếu phổ thông	-	-
+) Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+) Cổ phiếu phổ thông	18.870.000	18.870.000
+) Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.		

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 14 ngày 30 tháng 6 năm 2016, vốn điều lệ của Công ty là 188.700.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, vốn điều lệ của Công ty đã được các cổ đông góp đủ. Cụ thể như sau:

Cổ đông	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi		Vốn đã góp Số cuối năm	Vốn đã góp Số đầu năm
	VND	%	VND	VND
ENN Energy	82.820.000.000	43,89%	82.820.000.000	82.820.000.000
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP	67.000.000.000	35,51%	67.000.000.000	67.000.000.000
Nguyễn Chí Dũng	7.509.000.000	3,98%	7.509.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà	-	-	-	7.500.000.000
Các cổ đông phổ thông khác	31.371.000.000	16,62%	31.371.000.000	31.380.000.000
	188.700.000.000	100%	188.700.000.000	188.700.000.000

20. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh các sản phẩm gas. Các hoạt động liên quan đến xây lắp và cung cấp dịch vụ khác cũng là để phục vụ cho việc kinh doanh các sản phẩm gas. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 đều liên quan đến hoạt động kinh doanh các sản phẩm gas, xây lắp và cung cấp dịch vụ có liên quan.

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam; do vậy, Công ty không có bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý nào ngoài Việt Nam.

21. DOANH THU

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	484.058.122.830	663.001.342.760
Doanh thu bán hàng hóa	476.458.058.856	636.491.904.170
Doanh thu hợp đồng xây dựng	7.374.273.070	23.093.961.319
Doanh thu cung cấp dịch vụ	225.790.904	3.415.477.271
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Giảm giá hàng bán	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	484.058.122.830	663.001.342.760

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn hàng hóa	457.299.771.494	614.632.269.531
Giá vốn hoạt động xây dựng	6.361.963.563	19.658.575.486
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	13.200.000	2.516.972.423
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	463.674.935.057	636.807.817.440

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	9.040.257.172	8.753.866.084
Lãi chênh lệch tỷ giá	55.323.086	84.880.571
Doanh thu hoạt động tài chính	9.095.580.258	8.838.746.655

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên, vật liệu trực tiếp	2.777.652.282	6.464.895.138
Chi phí nhân công	15.695.962.601	20.063.751.117
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.717.901.526	1.176.132.281
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.542.429.040	18.796.364.397
Chi phí sản xuất, kinh doanh	34.733.945.449	46.501.142.933

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
- Chi phí nhân viên	3.935.021.635	2.893.031.462
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.439.861.091	6.997.306.961
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	834.213.006	816.796.949
- Các khoản chi phí bán hàng khác	465.515.576	468.865.150
	12.674.611.308	11.178.000.522
Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
- Chi phí nhân viên	10.668.598.312	12.520.351.909
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.483.509.348	6.062.365.197
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	883.688.520	330.529.770
- Chi phí/(hoàn nhập) các khoản dự phòng	3.316.322.535	(401.077.869)
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	221.623.309	270.217.904
	20.573.742.024	18.782.386.911

26. THU NHẬP KHÁC

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Hoàn nhập chi phí báo hành	4.116.854.922	1.976.895.223
Thu nhập khác	5.589.526	122.545.006
	4.122.444.448	2.099.440.229

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Lợi nhuận trước thuế	230.988.954	7.153.425.165
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Chi phí không được khấu trừ năm 2015 đủ điều kiện khấu trừ năm 2016 theo Biên bản thanh tra thuế	(330.082.705)	-
Thu nhập chịu thuế	-	7.153.425.165
Thuế suất	20%	22%
Điều chỉnh theo Biên bản thanh tra thuế	206.695.598	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	206.695.598	1.573.753.536

300 / 3 T 4 H 1 T 1 N A 1 T P.

28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	158.970.759	5.579.671.629
Trừ: Quỹ Khen thưởng phúc lợi tạm trích	-	(1.062.000.000)
Trừ: Thủ lao thành viên Hội đồng Quản trị	(144.000.000)	(132.000.000)
Trừ: Giảm khác	-	(286.746.571)
Cộng: Tăng khác	-	-
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	14.370.759	4.098.925.058
Cổ phiếu bình quân đang lưu hành trong năm	18.870.000	18.870.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1	217

29. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	612.945.368	612.945.368

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có khoản cam kết thuê hoạt động với lịch thanh toán như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trong vòng một năm	2.769.545.445	2.983.032.444
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	6.000.199.667	8.769.745.112
Sau năm năm	-	-
	8.769.745.112	11.752.777.556

Khoản thanh toán thuê hoạt động phản ánh số tiền thuê 508 m² diện tích văn phòng tại tầng 4, Tòa nhà Viện dầu khí Việt Nam, số 167 Đường Trung Kính, Hà Nội. Hợp đồng thuê văn phòng được ký với thời hạn 50 năm tính từ năm 2010.

30. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	Chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Kinh doanh sản phẩm khí	Công ty trong cùng Tập đoàn
Viện Dầu khí Việt Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí	Công ty trong cùng Tập đoàn

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Mua hàng	444.224.679.408	596.433.520.575
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Kinh doanh sản phẩm khí	419.551.258.466	565.534.979.115
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam - Chi nhánh Miền Trung	17.717.736.769	23.741.446.856
Viện Dầu khí Việt Nam	3.011.259.357	2.557.109.536
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc - Chi nhánh Bắc Bộ	1.555.652.786	1.284.361.318
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam - Chi nhánh Miền Đông	849.580.909	1.774.998.182
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	879.116.912	969.090.312
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam - Chi nhánh Nam Trung Bộ	581.958.807	448.557.620
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam - Chi nhánh Miền Tây	78.115.402	122.977.636

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GAS ĐÔ THỊ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, số dư chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Phải trả người bán	19.569.878.149	113.451.899.887
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Kinh doanh sản phẩm khí	16.560.377.577	110.703.264.923
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam - Chi nhánh Miền Trung	2.572.353.765	2.132.592.700
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí	221.690.486	221.690.486
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hợp lòng Miền Bắc - Chi nhánh Bắc Bộ	129.084.455	119.524.800
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam - Chi nhánh Nam Trung Bộ	73.018.260	46.180.602
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam - Chi nhánh Miền Tây	7.523.100	19.170.900
Tổng Công ty khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	5.830.506	2.370.484
Công ty Cổ phần kinh doanh Khí Miền Nam - Chi nhánh Miền Đông	-	178.788.000
Viện Dầu khí Việt Nam	-	28.316.992

Phải trả khác

Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Kinh doanh sản phẩm khí	-	5.381.875.800
---	---	---------------

Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Thu nhập của Ban Giám đốc	1.223.405.563	1.664.488.770
Thi lao của thành viên Hội đồng Quản trị	144.000.000	132.000.000



Văn Tuấn Anh
Giám đốc

[Handwritten signature]

Đặng Thái Hà
Kế toán trưởng

[Handwritten signature]

Phan Ngọc Lan
Người lập biểu

Ngày 28 tháng 02 năm 2017